

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ PHƯỚC QUANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số : /QĐ-UBND

Phước Quang, ngày tháng 10 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố công khai thực hiện dự toán ngân sách xã
Quý 3 năm 2023 của xã Phước Quang

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/06/2015;

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 163/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Quyết định số 8699/QĐ-UBND ngày 19/12/2022 của UBND huyện Tuy Phước về việc giao dự toán ngân sách địa phương năm 2023;

Căn cứ Nghị quyết số 18/NQ-HĐND ngày 20/12/2022 của HĐND xã Phước Quang kỳ họp thứ 8, khóa XIII về việc phê chuẩn dự toán ngân sách xã Phước Quang năm 2023;

Căn cứ Quyết định số 1659/QĐ-UBND ngày 23/12/2022 của UBND xã Phước Quang về việc giao chỉ tiêu dự toán ngân sách xã năm 2023;

Căn cứ Nghị quyết số 03/NQ-HĐND ngày 26/7/2023 của HĐND xã Phước Quang kỳ họp thứ 9, khóa XIII về việc phê chuẩn điều chỉnh, bổ sung dự toán ngân sách xã Phước Quang năm 2023;

Căn cứ Quyết định số 449/QĐ-UBND ngày 01/8/2023 của UBND xã Phước Quang về việc điều chỉnh, bổ sung dự toán ngân sách xã năm 2023;

Theo đề nghị bộ phận Tài chính – kế toán xã.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu ước thực hiện dự toán ngân sách xã quý 3 năm 2023 của xã Phước Quang (theo các biểu kèm theo Quyết định này)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Văn phòng UBND xã, Bộ phận Tài chính – kế toán xã và các Ban ngành có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- UBND huyện;
- Phòng TC-KH huyện;
- Đảng ủy xã;
- HĐND xã;
- Như điều 3;
- Lưu: VT,(TC).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ
CHỦ TỊCH**

Đoàn Văn Điệp

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH XÃ QUÝ III NĂM 2023

Đơn vị: 1000 đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM	ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ III NĂM 2023	SO SÁNH
A	B	1	2	3=2/1
I	TỔNG SỐ THU	32.550.000	20.075.971	61,68
1	Các khoản thu xã hưởng 100%	686.688	410.216	59,74
2	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ (%)	11.244.000	395.501	3,52
3	Thu bổ sung	14.635.000	13.289.324	90,81
	- Thu bổ sung cân đối	4.596.000	3.447.000	75,00
	- Thu bổ sung có mục tiêu	10.039.000	9.842.324	98,04
4	Thu chuyển nguồn	5.981.000	5.980.930	100,00
5	Thu Kết dư	3.312		
II	TỔNG SỐ CHI	32.550.000	17.520.335	53,83
1	Chi đầu tư phát triển	25.464.000	12.414.059	48,75
2	Chi thường xuyên	6.958.000	5.106.276	72,06
3	Dự phòng	128.000		0,00

ƯỚC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH XÃ QUÝ III NĂM 2023

Đơn vị: 1000 đồng

ST T	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2023		ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ III NĂM 2023		SO SÁNH (%)	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
A	B	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
	TỔNG THU	34.056.000	32.550.000	25.518.849	20.075.971	74,93	61,68
I	Các khoản thu 100%	686.688	686.688	410.216	410.216	59,74	59,74
	Phí, lệ phí	90.000	90.000	83.334	83.334	92,59	92,59
	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác	450.000	450.000	9.999	9.999	2,22	2,22
	Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp						
	Thu phạt, tịch thu khác theo quy định						
	Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước theo quy định						
	Đóng góp của nhân dân theo quy định						
	Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân						
	Thu khác	146.688	146.688	316.883	316.883	216,03	216,03
II	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	12.750.000	11.244.000	5.838.379	395.501	45,79	3,52
1	Các khoản thu phân chia	198.000	198.000	147.396	147.396	74,44	74,44
	- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	6.000	6.000	34.792	34.792	579,87	579,87
	- Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình						
	- Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh	18.000	18.000	22.850	22.850	126,94	126,94
	- Lệ phí trước bạ nhà, đất	174.000	174.000	89.754	89.754	51,58	51,58
2	Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định	12.552.000	11.046.000	5.690.983	248.105	45,34	2,25
	- Thuế GTGT và TNDN	1.560.000	156.000	2.481.056	248.106	159,04	159,04
	- Thu tiền sử dụng đất	10.890.000	10.890.000	3.209.927		29,48	0,00
	- Thuế tài nguyên	12.000				0,00	
	- Thuế TTĐB	10.000					
	- Thuế thu nhập cá nhân	80.000				0,00	
III	Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)						
IV	Thu chuyển nguồn	5.981.000	5.981.000	5.980.930	5.980.930	100,00	100,00
V	Thu kết dư ngân sách năm trước	3.312	3.312				

VI	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	14.635.000	14.635.000	13.289.324	13.289.324	90,81	90,81
	- Thu bổ sung cân đối	4.596.000	4.596.000	3.447.000	3.447.000	75,00	75,00
	- Thu bổ sung có mục tiêu	10.039.000	10.039.000	9.842.324	9.842.324	98,04	98,04

ƯỚC THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH XÃ QUÝ III NĂM 2023

Đơn vị: 1000 đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM			ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ III NĂM 2023			SO SÁNH (%)		
		TỔNG SỐ	XDCB	TX	TỔNG SỐ	XDCB	TX	TỔNG SỐ	XDCB	TX
A	B	1	2	3	4	5	6	7=4/1	8=5/2	10=6/3
	TỔNG CHI	32.550.000	25.464.000	7.086.000	17.520.335	12.414.059	5.106.276	53,83	48,75	72,06
	Trong đó									
1	Chi giáo dục	1.000.000	1.000.000		0			0,00	0,00	
2	Chi ứng dụng, chuyển giao công nghệ				0					
3	Chi y tế	20.000		20.000	0			0,00		0,00
4	Chi văn hóa, thông tin	2.105.000	2.000.000	105.000	176.070		176.070	8,36	0,00	167,69
5	Chi phát thanh, truyền thanh	86.000		86.000	61.274		61.274	71,25		71,25
6	Chi thể dục thể thao	1.045.000	1.000.000	45.000	46.470		46.470	4,45		103,27
7	Chi bảo vệ môi trường	450.000		450.000	551.585		551.585	122,57		122,57
8	Chi các hoạt động kinh tế	14.679.000	14.464.000	215.000	8.580.804	8.310.759	270.045	58,46	57,46	125,60
9	Chi hoạt động của cơ quan quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể	10.879.000	5.000.000	5.879.000	7.996.496	4.103.300	3.893.196	73,50	82,07	66,22
10	Chi cho công tác xã hội	2.132.000	2.000.000	132.000	107.636		107.636	5,05		81,54
11	Chi khác	26.000		26.000	0			0,00		0,00
12	Dự phòng ngân sách	128.000		128.000	0			0,00		0,00